

Họ và tên thí sinh: Số báo danh:

Mã đề thi: 1125

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Họ tất cả các nguyên hàm của hàm số $y = 2 \sin x - 3 \cos x$ là

- A. $2 \cos x - 3 \sin x + C$. B. $2 \cos x + 3 \sin x + C$.
C. $-2 \cos x + 3 \sin x + C$. D. $-2 \cos x - 3 \sin x + C$.

Câu 2. Cho cấp số nhân (u_n) có hai số hạng đầu tiên là $u_1 = -2$ và $u_2 = 4$. Giá trị của u_3 bằng

- A. -6 . B. -8 . C. 6 . D. 8 .

Câu 3. Trong không gian $Oxyz$, cho điểm $M(-1; 1; -3)$ và mặt phẳng $(P): 2x - y + 2z + 3 = 0$. Khoảng cách từ điểm M đến mặt phẳng (P) bằng

- A. 4 . B. -2 . C. 3 . D. 2 .

Câu 4. Tiệm cận ngang của đồ thị hàm số $y = \frac{2x + 3}{x + 1}$ là

- A. $y = 2$. B. $x = -1$. C. $x = 1$. D. $y = 3$.

Câu 5. Mỗi ngày bác Bình đều đi bộ để rèn luyện sức khỏe. Quãng đường đi bộ mỗi ngày (đơn vị: km) của bác Bình trong 20 ngày được thống kê lại ở bảng sau:

Quãng đường	$[2, 7; 3, 0)$	$[3, 0; 3, 3)$	$[3, 3; 3, 6)$	$[3, 6; 3, 9)$	$[3, 9; 4, 2)$
Số ngày	3	6	5	4	2

Độ lệch chuẩn của mẫu số liệu ghép nhóm có giá trị gần nhất với giá trị nào dưới đây?

- A. $0,37$. B. $0,13$. C. $3,39$. D. $0,36$.

Câu 6. Trong không gian $Oxyz$, cho điểm $A(-3; 1; -4)$, $B(1; -5; 2)$. Mặt cầu đường kính AB có phương trình:

- A. $(x + 1)^2 + (y + 2)^2 + (z + 1)^2 = 22$. B. $(x - 1)^2 + (y - 2)^2 + (z - 1)^2 = 22$.
C. $(x + 1)^2 + (y + 2)^2 + (z + 1)^2 = 88$. D. $(x - 1)^2 + (y - 2)^2 + (z - 1)^2 = 88$.

Câu 7. Tập nghiệm của bất phương trình $\log_{\frac{1}{2}}(x - 3) > -2$ là

- A. $(7; +\infty)$. B. $\left(\frac{13}{4}; +\infty\right)$. C. $(3; 7)$. D. $\left(3; \frac{13}{4}\right)$.

Câu 8. Biết $\int_{-1}^1 f(x) dx = 3$, khi đó $\int_{-1}^1 (2f(x) + 1) dx$ bằng

- A. 7 . B. 8 . C. 10 . D. 6 .

Câu 9. Trong không gian $Oxyz$, cho điểm $A(2; 0; -1)$, $B(1; -1; 0)$, $C(m + 1; -2; -3)$. Để tam giác ABC vuông tại B thì giá trị của m bằng

- A. 2 . B. 0 . C. -2 . D. -1 .

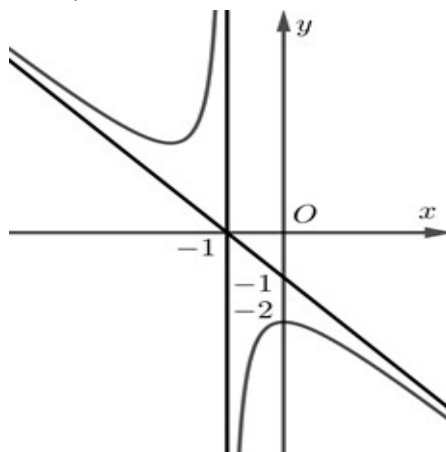
Câu 10. Cho hàm số $f(x)$ có bảng biến thiên như sau:

x	$-\infty$	-1	0	1	$+\infty$				
$f'(x)$		$-$	0	$+$	0	$-$	0	$+$	
$f(x)$	$+\infty$		-2		3		-2		$+\infty$

Hàm số đã cho đồng biến trên khoảng

- A. $(-2; 3)$. B. $(-2; +\infty)$. C. $(-\infty; -1)$. D. $(-1; 0)$.

Câu 11. Đường cong ở hình dưới đây là đồ thị của hàm số:



- A. $y = \frac{x^2 - 2x + 2}{x + 1}$. B. $y = \frac{x^2 + 2x + 2}{x + 1}$. C. $y = \frac{x^2 + 2x + 2}{-x - 1}$. D. $y = \frac{x^2 - 2x + 2}{x - 1}$.

Câu 12. Cho tứ diện $ABCD$. Gọi M, N, O lần lượt là trung điểm của AB, CD, MN . Đẳng thức nào sau đây là sai:

- A. $\overrightarrow{AM} + \overrightarrow{BM} = \vec{0}$. B. $\overrightarrow{AC} + \overrightarrow{BD} = 2\overrightarrow{MN}$.
C. $\overrightarrow{AC} + \overrightarrow{AD} + 2\overrightarrow{AN} = \vec{0}$. D. $\overrightarrow{AO} = \overrightarrow{OB} + \overrightarrow{OC} + \overrightarrow{OD}$.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Khảo sát chiều cao của 20 học sinh nam lớp 12A của một trường THPT X, người ta được kết quả thống kê trong bảng sau:

Chiều cao (cm)	[160;165)	[165;170)	[170;175)	[175;180)	[180;185)
Số học sinh	3	5	7	4	1

- a) Gọi $x_1, x_2, \dots, x_{20}$ là mẫu số liệu gốc gồm chiều cao của 20 học sinh trên được xếp theo thứ tự không giảm. Khi đó, $x_3 \in [165;170)$ và $x_9 \in [170;175)$.
b) Tứ phân vị thứ ba của mẫu số liệu ghép nhóm đã cho bằng 175.
c) Khoảng tứ phân vị của mẫu số liệu ghép nhóm đã cho bằng 8.
d) Bạn An là một học sinh nam của lớp 12A, An có chiều cao 182 cm. Chiều cao của An là một giá trị ngoại lệ (giá trị bất thường) trong mẫu số liệu đã cho.

Câu 2. Trong một hộp kín có 7 chiếc bút bi xanh và 5 chiếc bút bi đen, các chiếc bút có cùng kích thước và khối lượng. Bạn Bảo lấy ngẫu nhiên một chiếc bút từ trong hộp, không trả lại. Sau đó bạn Cường lấy ngẫu nhiên một trong 11 chiếc bút còn lại. Xét các biến cố: A : “Bạn Bảo lấy được bút bi đen”; B : “Bạn Cường lấy được bút bi xanh”. Khi đó:

a) $P(AB) = \frac{35}{132}$.

b) $P(\bar{B}|A) = \frac{4}{11}$.

c) $P(\bar{A}B) = \frac{7}{22}$.

d) $P(\bar{B}|\bar{A}) = \frac{6}{11}$.

Câu 3. Cho hàm số $f(x) = \cos x e^{\sin^2 x}$.

a) Hàm số đã cho xác định với mọi $x \in \mathbb{R}$.

b) Đạo hàm $f'(x) = \sin x \cos 2x e^{\sin^2 x}$.

c) Phương trình $f'(x) = 0$ có ba nghiệm phân biệt trên $[0; \pi]$.

d) Tích giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của hàm số đã cho trên $[0; \pi]$ bằng $-\frac{1}{2}e$.

Câu 4. Cho hình chóp $S.ABC$ có đáy ABC là tam giác vuông tại A và $SA \perp (ABC)$. Cho biết $SA = a\sqrt{2}, AB = a\sqrt{6}, AC = a\sqrt{3}$. Khi đó:

a) Thể tích khối chóp $S.ABC$ bằng a^3 .

b) Diện tích tam giác SBC bằng $3a^2$.

c) $(SBC) \perp (ABC)$.

d) Số đo góc nhị diện $[S; BC; A]$ bằng 30° .

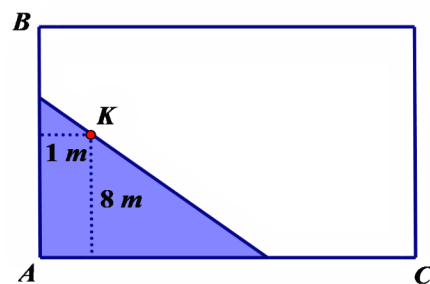
PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho hình lăng trụ đứng $ABC.A'B'C'$ có đáy ABC là tam giác vuông cân tại A và có $AB = AA' = 2$. Gọi E là trung điểm AB . Tính khoảng cách giữa hai đường thẳng CE và $A'B$ (làm tròn kết quả đến hàng phần trăm).

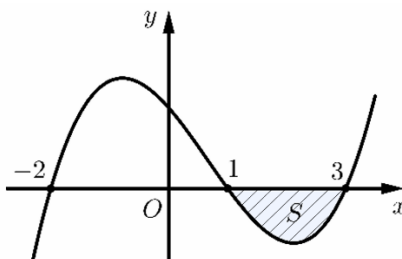
Câu 2. Một túi đựng một số viên bi cùng kích cỡ, có hai màu là màu đỏ và màu xanh; trong đó chỉ có 6 viên bi xanh. Hạnh lấy ngẫu nhiên một viên bi đưa cho Phúc rồi Phúc lấy ngẫu nhiên tiếp một viên bi.

Biết xác suất để cả hai viên bi được lấy ra có ít nhất một viên bi đỏ là $\frac{2}{3}$. Hỏi trong túi đã cho có bao nhiêu viên bi màu đỏ?

Câu 3. Một cái ao nuôi cá hình chữ nhật của nhà ông An có chiều dài 20 m và chiều rộng 15 m , tại một góc nhỏ của ao ông An đóng một cái cọc ở vị trí K cách bờ AB là 1 m và cách bờ AC là 8 m , rồi dùng một dây phao căng thẳng ngăn một góc nhỏ của ao để làm nơi cho cá ăn (phần in đậm như hình vẽ) sao cho dây phao có thể đồng thời chạm vào hai bờ AB, AC và vào cái cọc K . Biết mỗi mét dây phao ông An cần mua có giá 130 nghìn đồng. Hỏi ông An phải bỏ ra ít nhất bao nhiêu nghìn đồng để mua dây phao đó (bỏ qua đường kính của dây phao và cái cọc, làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)?



Câu 4. Cho hàm số $y = f(x)$ có đạo hàm là $f'(x) = ax^3 + bx^2 + cx + d$. Hàm số $y = f'(x)$ có đồ thị như hình vẽ



Biết $f(0) = 1$ và diện tích $S = \frac{16}{3}$. Tính diện tích hình phẳng giới hạn bởi hai đồ thị hàm số $y = f(x)$

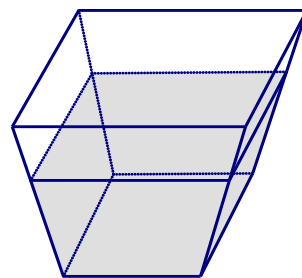
và $y = -\frac{2}{3}x^3 + \frac{3}{2}x^2 + 6x + 1$ (làm tròn kết quả đến hàng phần chục).

Câu 5. Để điều trị bệnh hiệu quả, bà Hòa được tư vấn bổ sung vào chế độ ăn hằng ngày bằng cách sử dụng thêm hai loại thực phẩm khác nhau là X và Y . Mỗi gói thực phẩm X chứa 20 đơn vị canxi, 20 đơn vị sắt và 10 đơn vị vitamin B ; mỗi gói thực phẩm Y chứa 20 đơn vị canxi, 10 đơn vị sắt và 20 đơn vị vitamin B . Yêu cầu hằng ngày tối thiểu cần bổ sung cho chế độ ăn uống là 240 đơn vị canxi, 160 đơn vị sắt và 140 đơn vị vitamin B . Mỗi ngày không được dùng quá 12 gói mỗi loại. Biết 1 gói thực phẩm loại X giá 20000 đồng, 1 gói thực phẩm loại Y giá 25000 đồng. Hỏi tổng số gói thực phẩm loại X và thực phẩm loại Y mỗi ngày bà Hòa cần dùng là bao nhiêu để chi phí mua là ít nhất?

Câu 6. Bác Bình có một chậu cảnh trồng hoa hình chóp cụt tứ giác đều với chiều cao 30 cm , cạnh đáy lần lượt là 20 cm và 40 cm . Bác Bình đổ đất vào

chậu để tiến hành trồng, chiều cao của đất bằng $\frac{2}{3}$ chiều cao của chậu. Tính thể

tích lượng đất bác Bình đã đổ vào chậu theo dm^3 (làm tròn kết quả đến hàng phần chục).



----- Hết -----

Họ và tên thí sinh: Số báo danh:

Mã đề thi: 1126

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Trong không gian $Oxyz$, cho điểm $M(-1; 1; -3)$ và mặt phẳng $(P): 2x - y + 2z + 3 = 0$. Khoảng cách từ điểm M đến mặt phẳng (P) bằng

- A. 2. B. 4. C. -2. D. 3.

Câu 2. Tiệm cận ngang của đồ thị hàm số $y = \frac{2x+3}{x+1}$ là

- A. $x = -1$. B. $x = 1$. C. $y = 3$. D. $y = 2$.

Câu 3. Họ tất cả các nguyên hàm của hàm số $y = 2\sin x - 3\cos x$ là

- A. $2\cos x - 3\sin x + C$. B. $2\cos x + 3\sin x + C$.
C. $-2\cos x - 3\sin x + C$. D. $-2\cos x + 3\sin x + C$.

Câu 4. Trong không gian $Oxyz$, cho điểm $A(-3; 1; -4)$, $B(1; -5; 2)$. Mặt cầu đường kính AB có phương trình:

- A. $(x-1)^2 + (y-2)^2 + (z-1)^2 = 22$. B. $(x+1)^2 + (y+2)^2 + (z+1)^2 = 22$.
C. $(x+1)^2 + (y+2)^2 + (z+1)^2 = 88$. D. $(x-1)^2 + (y-2)^2 + (z-1)^2 = 88$.

Câu 5. Tập nghiệm của bất phương trình $\log_{\frac{1}{2}}(x-3) > -2$ là

- A. $(3; 7)$. B. $\left(\frac{13}{4}; +\infty\right)$. C. $(7; +\infty)$. D. $\left(3; \frac{13}{4}\right)$.

Câu 6. Cho cấp số nhân (u_n) có hai số hạng đầu tiên là $u_1 = -2$ và $u_2 = 4$. Giá trị của u_3 bằng

- A. -6. B. 6. C. 8. D. -8.

Câu 7. Cho tứ diện $ABCD$. Gọi M, N, O lần lượt là trung điểm của AB, CD, MN . Đẳng thức nào sau đây là sai:

- A. $\overrightarrow{AM} + \overrightarrow{BM} = \vec{0}$. B. $\overrightarrow{AC} + \overrightarrow{AD} + 2\overrightarrow{AN} = \vec{0}$.
C. $\overrightarrow{AC} + \overrightarrow{BD} = 2\overrightarrow{MN}$. D. $\overrightarrow{AO} = \overrightarrow{OB} + \overrightarrow{OC} + \overrightarrow{OD}$.

Câu 8. Mỗi ngày bác Bình đều đi bộ để rèn luyện sức khỏe. Quãng đường đi bộ mỗi ngày (đơn vị: km) của bác Bình trong 20 ngày được thống kê lại ở bảng sau:

Quãng đường	$[2, 7; 3, 0)$	$[3, 0; 3, 3)$	$[3, 3; 3, 6)$	$[3, 6; 3, 9)$	$[3, 9; 4, 2)$
Số ngày	3	6	5	4	2

Độ lệch chuẩn của mẫu số liệu ghép nhóm có giá trị gần nhất với giá trị nào dưới đây?

- A. 0,37. B. 0,36. C. 0,13. D. 3,39.

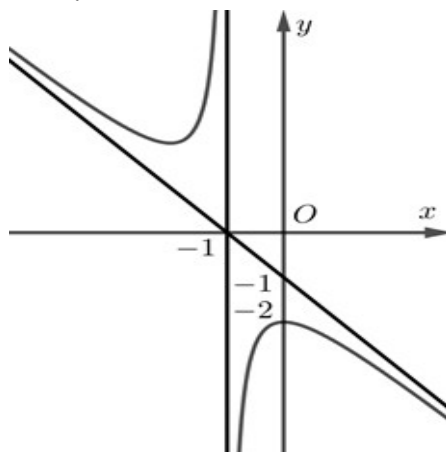
Câu 9. Cho hàm số $f(x)$ có bảng biến thiên như sau:

x	$-\infty$	-1	0	1	$+\infty$			
$f'(x)$		$-$	0	$+$	0	$-$	0	$+$
$f(x)$	$+\infty$		-2	3		-2		$+\infty$

Hàm số đã cho đồng biến trên khoảng

- A. $(-2; 3)$. B. $(-1; 0)$. C. $(-2; +\infty)$. D. $(-\infty; -1)$.

Câu 10. Đường cong ở hình dưới đây là đồ thị của hàm số:



- A. $y = \frac{x^2 + 2x + 2}{-x - 1}$. B. $y = \frac{x^2 - 2x + 2}{x + 1}$. C. $y = \frac{x^2 + 2x + 2}{x + 1}$. D. $y = \frac{x^2 - 2x + 2}{x - 1}$.

Câu 11. Biết $\int_{-1}^1 f(x) dx = 3$, khi đó $\int_{-1}^1 (2f(x) + 1) dx$ bằng

- A. 7. B. 8. C. 10. D. 6

Câu 12. Trong không gian $Oxyz$, cho điểm $A(2; 0; -1)$, $B(1; -1; 0)$, $C(m + 1; -2; -3)$. Để tam giác ABC vuông tại B thì giá trị của m bằng

- A. 2. B. 0. C. -2. D. -1.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho hình chóp $S.ABC$ có đáy ABC là tam giác vuông tại A và $SA \perp (ABC)$. Cho biết $SA = a\sqrt{2}$, $AB = a\sqrt{6}$, $AC = a\sqrt{3}$. Khi đó:

- a) Diện tích tam giác SBC bằng $3a^2$.
b) Số đo góc nhị diện $[S; BC; A]$ bằng 30° .
c) Thể tích khối chóp $S.ABC$ bằng a^3 .
d) $(SBC) \perp (ABC)$.

Câu 2. Trong một hộp kín có 7 chiếc bút bi xanh và 5 chiếc bút bi đen, các chiếc bút có cùng kích thước và khối lượng. Bạn Bảo lấy ngẫu nhiên một chiếc bút từ trong hộp, không trả lại. Sau đó bạn Cường lấy ngẫu nhiên một trong 11 chiếc bút còn lại. Xét các biến cố: A : “Bạn Bảo lấy được bút bi đen”; B : “Bạn Cường lấy được bút bi xanh”. Khi đó:

a) $P(AB) = \frac{35}{132}$.

b) $P(\bar{A}B) = \frac{7}{22}$.

c) $P(\bar{B}|\bar{A}) = \frac{6}{11}$.

d) $P(\bar{B}|A) = \frac{4}{11}$.

Câu 3. Khảo sát chiều cao của 20 học sinh nam lớp 12A của một trường THPT X, người ta được kết quả thống kê trong bảng sau:

Chiều cao (cm)	[160;165)	[165;170)	[170;175)	[175;180)	[180;185)
Số học sinh	3	5	7	4	1

a) Tứ phân vị thứ ba của mẫu số liệu ghép nhóm đã cho bằng 175.

b) Gọi $x_1, x_2, \dots, x_{20}$ là mẫu số liệu gốc gồm chiều cao của 20 học sinh trên được xếp theo thứ tự không giảm. Khi đó, $x_3 \in [165;170)$ và $x_9 \in [170;175)$.

c) Khoảng tứ phân vị của mẫu số liệu ghép nhóm đã cho bằng 8.

d) Bạn An là một học sinh nam của lớp 12A, An có chiều cao 182 cm. Chiều cao của An là một giá trị ngoại lệ (giá trị bất thường) trong mẫu số liệu đã cho.

Câu 4. Cho hàm số $f(x) = \cos x e^{\sin^2 x}$.

a) Hàm số đã cho xác định với mọi $x \in \mathbb{R}$.

b) Phương trình $f'(x) = 0$ có ba nghiệm phân biệt trên $[0; \pi]$.

c) Đạo hàm $f'(x) = \sin x \cos 2x e^{\sin^2 x}$.

d) Tích giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của hàm số đã cho trên $[0; \pi]$ bằng $-\frac{1}{2}e$.

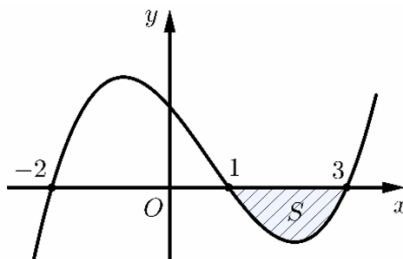
PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Một túi đựng một số viên bi cùng kích cỡ, có hai màu là màu đỏ và màu xanh; trong đó chỉ có 6 viên bi xanh. Hạnh lấy ngẫu nhiên một viên bi đưa cho Phúc rồi Phúc lấy ngẫu nhiên tiếp một viên bi.

Biết xác suất để cả hai viên bi được lấy ra có ít nhất một viên bi đỏ là $\frac{2}{3}$. Hỏi trong túi đã cho có bao nhiêu viên bi màu đỏ?

Câu 2. Cho hình lăng trụ đứng $ABC.A'B'C'$ có đáy ABC là tam giác vuông cân tại A và có $AB = AA' = 2$. Gọi E là trung điểm AB . Tính khoảng cách giữa hai đường thẳng CE và $A'B$ (làm tròn kết quả đến hàng phần trăm).

Câu 3. Cho hàm số $y = f(x)$ có đạo hàm là $f'(x) = ax^3 + bx^2 + cx + d$. Hàm số $y = f'(x)$ có đồ thị như hình vẽ



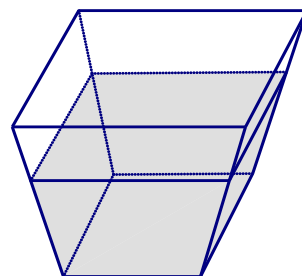
Biết $f(0) = 1$ và diện tích $S = \frac{16}{3}$. Tính diện tích hình phẳng giới hạn bởi hai đồ thị hàm số $y = f(x)$

và $y = -\frac{2}{3}x^3 + \frac{3}{2}x^2 + 6x + 1$ (làm tròn kết quả đến hàng phần chục).

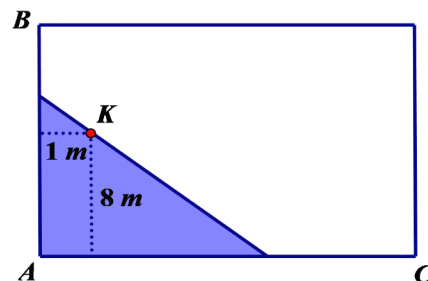
Câu 4. Bác Bình có một chậu cảnh trồng hoa hình chóp cụt tứ giác đều với chiều cao 30 cm , cạnh đáy lần lượt là 20 cm và 40 cm . Bác Bình đổ đất vào

chậu để tiến hành trồng, chiều cao của đất bằng $\frac{2}{3}$ chiều cao của chậu. Tính thể

tích lượng đất bác Bình đã đổ vào chậu theo dm^3 (làm tròn kết quả đến hàng phần chục).



Câu 5. Một cái ao nuôi cá hình chữ nhật của nhà ông An có chiều dài 20 m và chiều rộng 15 m , tại một góc nhỏ của ao ông An đóng một cái cọc ở vị trí K cách bờ AB là 1 m và cách bờ AC là 8 m , rồi dùng một dây phao căng thẳng ngăn một góc nhỏ của ao để làm nơi cho cá ăn (phần in đậm như hình vẽ) sao cho dây phao có thể đồng thời chạm vào hai bờ AB, AC và vào cái cọc K . Biết mỗi mét dây phao ông An cần mua có giá 130 nghìn đồng. Hỏi ông An phải bỏ ra ít nhất bao nhiêu nghìn đồng để mua dây phao đó (bỏ qua đường kính của dây phao và cái cọc, làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)?



Câu 6. Để điều trị bệnh hiệu quả, bà Hòa được tư vấn bổ sung vào chế độ ăn hằng ngày bằng cách sử dụng thêm hai loại thực phẩm khác nhau là X và Y . Mỗi gói thực phẩm X chứa 20 đơn vị canxi, 20 đơn vị sắt và 10 đơn vị vitamin B ; mỗi gói thực phẩm Y chứa 20 đơn vị canxi, 10 đơn vị sắt và 20 đơn vị vitamin B . Yêu cầu hằng ngày tối thiểu cần bổ sung cho chế độ ăn uống là 240 đơn vị canxi, 160 đơn vị sắt và 140 đơn vị vitamin B . Mỗi ngày không được dùng quá 12 gói mỗi loại. Biết 1 gói thực phẩm loại X giá 20000 đồng, 1 gói thực phẩm loại Y giá 25000 đồng. Hỏi tổng số gói thực phẩm loại X và thực phẩm loại Y mỗi ngày bà Hòa cần dùng là bao nhiêu để chi phí mua là ít nhất?

----- Hết -----

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.
Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm.

Mã đề	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1125	D	B	D	A	D	A	C	B	C	D	C	C
1126	A	D	C	B	A	D	B	B	B	A	B	C
1128	A	A	B	B	A	D	D	C	B	D	A	B
1129	B	B	C	C	A	A	B	D	D	A	D	A
2135	D	D	A	B	B	C	A	C	A	B	C	B
2136	A	A	D	B	A	D	B	B	B	C	C	C
2138	C	B	D	C	D	A	B	D	A	C	D	C
2139	C	A	D	A	B	C	D	B	A	A	C	B

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng (Đ) hoặc sai (S).

Trong mỗi câu:

Đúng 1 ý được 0,1 điểm.

Đúng 2 ý được 0,25 điểm.

Đúng 3 ý được 0,5 điểm.

Đúng 4 ý được 1,0 điểm.

Mã 1125

	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
a)	S	Đ	Đ	Đ
b)	Đ	Đ	Đ	Đ
c)	Đ	Đ	S	S
d)	S	S	Đ	S

Mã 1126

	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
a)	Đ	Đ	Đ	Đ
b)	S	Đ	S	S
c)	Đ	S	Đ	Đ
d)	S	Đ	S	Đ

Mã 1128

	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
a)	Đ	S	S	Đ
b)	S	Đ	Đ	Đ
c)	Đ	S	Đ	S
d)	Đ	Đ	Đ	S

Mã 1129

	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
a)	Đ	Đ	S	Đ
b)	Đ	S	Đ	S
c)	S	Đ	Đ	Đ
d)	Đ	S	S	Đ

Mã 2135

	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
a)	S	S	Đ	Đ
b)	S	Đ	Đ	Đ
c)	Đ	Đ	S	S
d)	Đ	Đ	Đ	S

Mã 2136

	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
a)	Đ	S	Đ	S
b)	Đ	S	Đ	Đ
c)	S	Đ	S	Đ
d)	Đ	Đ	S	Đ

Mã 2138

	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
a)	Đ	Đ	Đ	Đ
b)	Đ	S	S	Đ
c)	Đ	S	Đ	S
d)	S	Đ	Đ	S

Mã 2139

	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
a)	S	Đ	Đ	Đ
b)	Đ	Đ	S	S
c)	Đ	S	Đ	Đ
d)	Đ	Đ	S	S

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,5 điểm.

Mã	1	2	3	4	5	6
1125	0,67	4	1453	68,3	12	14,5
1126	4	0,67	68,3	14,5	1453	12
1128	12	0,67	4	14,5	68,3	1453
1129	4	0,67	68,3	14,5	1453	12
2135	68,3	12	0,67	14,5	4	1453
2136	68,3	14,5	1453	12	4	0,67
2138	14,5	4	0,67	68,3	12	1453
2139	14,5	0,67	68,3	12	1453	4

Xem thêm: **ĐỀ THI THỬ THPT MÔN TOÁN**
<https://toanmath.com/de-thi-thu-thpt-mon-toan>